

Đồng Nai, ngày ... tháng 3 năm 2026

Dự thảo

TÓM TẮT ĐỀ ÁN
VỀ VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Thực hiện Công văn số 1184-CV/VPTW ngày 23/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về ý kiến của Bộ Chính trị đối với Đề án xây dựng và phát triển Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và các Quyết định phê duyệt quy hoạch có liên quan của Thủ tướng Chính phủ.

Sở Nội vụ trình bày tóm tắt Đề án thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương là bước cụ thể hóa chủ trương của Trung ương và các định hướng quy hoạch phát triển quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực phía Nam trong giai đoạn mới

2. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ vị trí, vai trò và tầm quan trọng chiến lược của tỉnh Đồng Nai đối với khu vực phía Nam, không gian siêu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước

3. Thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu động lực thúc đẩy sự phát triển của vùng kinh tế phía Nam nước ta.

4. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ lịch sử hình thành, yêu cầu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc của dân tộc và thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh

5. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ yêu cầu bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới

II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP

Căn cứ các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, qua rà soát, đối chiếu với các tiêu chí theo quy định, tỉnh Đồng Nai cơ bản đáp ứng đầy đủ 07/07 tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

1. Phương án thành lập

Thành lập thành phố Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai với 12.737,18 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 4.491.408 người.

2. Kết quả sau khi thành lập

2.1. Thành phố Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km²; quy mô dân số là 4.491.408 người; có 95 đơn vị hành chính cấp xã, dự kiến gồm: 33 phường¹, 62 xã.

2.2. Địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai: Phía Tây và Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh; Phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh; Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng; Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

Trên đây là tóm tắt Đề án thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc trung ương.

¹ Gồm 23 phường hiện nay và 10 xã: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Dầu Giây, Xuân Lộc, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh, Trị An, Tân Phú

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

STT	Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	$\geq 2.500.000$ (đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền bằng 50% tiêu chuẩn)	4.491.408	Vượt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	≥ 2.500	12.737,18	Vượt
3	Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã	%	≥ 30	34,73 ²	Vượt
4	Tỷ lệ đô thị hóa	%	≥ 45	56,99 ³	Vượt
5	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước			Theo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội; Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023, Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10	Vượt

² 33/95 đơn vị hành chính cấp xã gồm 23 phường hiện nay và dự kiến thành lập 10 phường trên cơ sở nguyên trạng 10 xã gồm: **Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Dầu Giây, Xuân Lộc, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh, Trị An, Tân Phú** (các xã nêu trên đạt tiêu chuẩn về diện tích, dân số của phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đây là những xã trọng điểm phát triển kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng và được thành lập từ các xã và **các thị trấn tương ứng** đã được công nhận là đô thị loại IV, loại V)

³ Tính theo tỷ lệ đô thị hóa dự kiến của 33 đơn vị đô thị là 2.559.636/4.491.408 người đạt 56,99%

STT	Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
				<p>năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Đồng Nai được định hướng phát triển mạnh các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, giáo dục - đào tạo, y tế và khoa học - công nghệ, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị vệ tinh và trung tâm sản xuất - dịch vụ của vùng.</p> <p>Đặc biệt, quy hoạch xác định đô thị sân bay Long Thành sẽ trở thành cửa ngõ hàng không quốc tế của vùng, đồng thời hình thành các vành đai công nghiệp – đô thị – dịch vụ dọc theo các trục giao thông chiến lược, tạo động lực phát triển mới cho hệ thống đô thị của khu vực.</p> <p>Như vậy, sau khi được thành lập, thành phố Đồng Nai sẽ phát triển theo mô hình “thành phố công nghiệp⁴, đô thị hiện đại, trung tâm logistics và nông nghiệp công nghệ cao”.</p>	
6	Đã được công nhận là đô thị loại I			<p>Đổi chiếu với quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tỉnh Đồng Nai đạt 12/15⁵ tiêu chuẩn</p>	Đạt
7	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội				

⁴ Hiện nay toàn tỉnh có 89 Khu công nghiệp với 43 Khu công nghiệp đã đi vào hoạt động

⁵ Các tiêu chí chưa đạt gồm: (1) Là trung tâm tổ chức ≥ 02 sự kiện quốc tế cấp khu vực trở lên bình quân 03 năm gần nhất; (2) Có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II; (3) Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên

STT	Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
7.1	Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương			Đồng Nai là địa phương tự cân đối được ngân sách và đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Năm 2025, tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 102.962 tỷ đồng, bằng 146% dự toán Trung ương giao, bằng 138% dự toán tỉnh giao	Vượt
7.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	≥ 80	81,39 ⁶	Vượt
7.3	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất		Năm 2023 là 59,52 triệu đồng/người/năm; Năm 2024 là 64,92 triệu đồng/người/năm; Năm 2025 là 70,80 triệu đồng/người/năm.	Năm 2023 là 125,96 triệu đồng/người/năm; Năm 2024 là 137,58 triệu đồng/người/năm; Năm 2025 là 152,8 triệu đồng/người/năm.	Vượt
7.4	Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)		Năm 2023 là 5,07%; Năm 2024 là 7,09%; Năm 2025 là 8,02%	Năm 2023 là 5,94%; Năm 2024 là 8,02%; Năm 2025 là 9,63%.	Vượt
7.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất		Năm 2023 là 4,03%; Năm 2024 là 1,93%; Năm 2025 là 1,30%.	Năm 2023 là 0,33%; Năm 2024 là 0,26%; Năm 2025 là 0,25%.	Vượt

⁶ Trong đó: Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng là 54,97%; dịch vụ là 26,42%